

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Kiên và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Trúc V, sinh năm 1993 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Trúc V trình bày: Chị Đỗ Thị Trúc V kết hôn với anh Nguyễn Văn T năm 2015, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, thời gian tìm hiểu ngắn nên chưa thực sự có tình cảm với nhau nên

không tôn trọng lẫn nhau, anh T thường ghen tuông vô cớ, nghi ngờ tình cảm của vợ, thường xuyên uống rượu say kiểm có chửi mắng xúc phạm chị V, không quan tâm chăm lo cho vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên chị và anh T đã sống ly thân.

Chị V cho rằng tình cảm đối với anh T không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Gia B, sinh ngày 25/12/2015, Nguyễn Đỗ Gia Nh, sinh ngày 25/12/2015 và Nguyễn Đỗ Gia N, sinh ngày 26/10/2018, hiện đang sinh sống cùng chị V. Chị V đề nghị Tòa án giao ba con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Lời khai của anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án: Anh T thừa nhận việc kết hôn với chị Đỗ Thị Trúc V, họ đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như chị V trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Đỗ Gia B, sinh ngày 25/12/2015, Nguyễn Đỗ Gia Nh, sinh ngày 25/12/2015 và Nguyễn Đỗ Gia N, sinh ngày 26/10/2018. Do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh T thừa nhận có ghen tuông, nghi ngờ tình cảm của chị V nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021. Anh T cũng không còn tình cảm với chị V nhưng muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau thay đổi, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu chị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn, đồng ý giao ba con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Trúc V, cho chị Đỗ Thị Trúc V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Đỗ Gia B, sinh ngày 25/12/2015, Nguyễn Đỗ Gia Nh, sinh ngày 25/12/2015 và Nguyễn Đỗ Gia N, sinh ngày 26/10/2018 cho chị Đỗ Thị Trúc V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Trúc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002110 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Trúc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị V với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 27/3/2015, chị Đỗ Thị Trúc V và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Xét thấy, cả chị V và anh T đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị V và anh T đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị V khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Trúc V có nguyện vọng được nuôi dưỡng ba con chung là Nguyễn Đỗ Gia B, sinh ngày 25/12/2015, Nguyễn Đỗ Gia Nh, sinh ngày 25/12/2015 và Nguyễn Đỗ Gia N, sinh ngày 26/10/2018 đến tuổi trưởng thành, anh T cũng đồng ý giao con cho chị V và hiện tại chị V là người đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, vì vậy cần giao các con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Trúc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Trúc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Trúc V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Gia B, sinh ngày 25/12/2015, Nguyễn Đỗ Gia Nh, sinh ngày 25/12/2015 và Nguyễn Đỗ Gia N, sinh ngày 26/10/2018 cho

chị Đỗ Thị Trúc V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị Đỗ Thị Trúc V, anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Trúc V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0002110 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã DBS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

Unregistered

Unregistered